

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - BẮC NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 12-02-2026

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Doanh.

Ông Mạc Vương Long.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Nam là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2026, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 239/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2026/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Hoàng Thị T**, sinh ngày 20 tháng 5 năm 2001.

Căn cước công dân số: 024301014234.

Nơi cư trú: Thôn Nam Sơn, xã Đại Sơn, tỉnh Bắc Ninh

2. Bị đơn: **Anh Hoàng Hồng S**, sinh ngày 19 tháng 11 năm 1996

Căn cước công dân số: 024096009069.

Hộ chiếu số: P00464900 cấp ngày 27 tháng 8 năm 2022.

Nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh.

Hiện đang lao động ở Đài Loan, không rõ địa chỉ cụ thể.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **Hoàng Văn V**, sinh ngày 12 tháng 11 năm 1968.

Căn cước công dân số: 024068004526.

3.2. Bà **Lăng Thị H**, sinh ngày 06 tháng 02 năm 1972.

Căn cước công dân số: 024172012854.

Đều cư trú: Thôn N, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh.

(Chị Hoàng Thị T, ông Hoàng Văn V, bà Lăng Thị H vắng mặt, có đơn xin vắng mặt. Anh Hoàng Hồng S vắng mặt lần 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06-8-2025 và những lời khai tiếp theo của nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Hồng S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện S, tỉnh Bắc Giang (nay là UBND xã Đ, tỉnh Bắc Ninh) vào ngày 18 tháng 12 năm 2020. Sau khi kết hôn, chị và anh Sơn S1 chung cùng nhau, thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, chỉ được thời gian ngắn thì vợ chồng dần nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ sự khác biệt trong lối sống, suy nghĩ và cách ứng xử. Vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong việc làm ăn, nuôi dạy con cái nên dần dần xảy ra xích mích và ly thân từ năm 2021. Chị được biết anh Hoàng Hồng S đã đi lao động tại Đài Loan từ năm 2022, còn địa chỉ cụ thể thì chị không nắm được. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về đoàn tụ với anh S được nữa. Do vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị và anh S có một con chung là Hoàng Đức T1, sinh ngày 14 tháng 11 năm 2020. Hiện nay cháu T1 đang sống cùng với ông, bà nội (tức bố, mẹ đẻ của anh S) là ông Hoàng Văn V, bà Lăng Thị H. Do chị có dự định đi nước ngoài lao động và để đảm bảo cho cuộc sống của cháu T1 được ổn định, tránh xáo trộn nên chị đề nghị Tòa án giao con chung cho anh Hoàng Hồng S nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Ông Hoàng Văn V, bà Lăng Thị H có trách nhiệm trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục Hoàng Đức T1 trong thời gian anh S không có mặt tại địa phương.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không có yêu cầu, đề nghị gì.

Bị đơn anh Hoàng Hồng S hiện đang lao động ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với anh S.

Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ thông qua người thân của anh S là ông Hoàng Văn V, sinh năm 1968 và bà Lăng Thị H, sinh năm 1972; đều địa chỉ: Thôn N, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh (là cha, mẹ đẻ của anh S). Ông V và bà H cùng có quan điểm trình bày:

Năm 2020 gia đình có tổ chức cưới hỏi cho vợ chồng anh Hoàng Hồng S và chị Hoàng Thị T theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn thì vợ chồng anh S, chị T sống chung cùng gia đình, đến năm 2022 thì anh S, chị T xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S, chị T bất đồng quan điểm sống. Gia đình đã hòa giải cho vợ chồng nhưng không thành. Nay chị T làm đơn xin ly hôn với anh S là việc riêng của anh chị, gia đình không có ý kiến gì và tôn trọng quyết định của các con.

Về con chung: Chị T và anh S có 01 con chung là Hoàng Đức T1, sinh ngày 14 tháng 11 năm 2020. Hiện nay cháu T1 đang sống cùng với ông bà nội. Trường hợp chị T và anh S ly hôn thì đề nghị Tòa án giao con chung cho anh Hoàng Hồng S nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Gia đình có trách nhiệm trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hoàng Đức T1 trong thời gian anh S không có mặt tại địa phương.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có

Anh S hiện nay đang lao động tại Đài Loan, tuy nhiên thường xuyên thay đổi địa chỉ nên gia đình cũng không biết địa chỉ cụ thể của anh S ở nước ngoài. Anh S vẫn liên lạc về cho gia đình qua điện thoại, gia đình cũng thông báo cho anh S biết việc chị T làm đơn ly hôn và anh S cũng có ý kiến là nhất trí ly hôn và tạm giao cho ông, bà nuôi dưỡng cháu T1 trong thời gian anh S lao động tại nước ngoài. Vì lý do nhà xa nên ông V, bà H cũng đề nghị Tòa án cho ông, bà được vắng mặt trong các buổi làm việc, hòa giải cũng như các phiên tòa xét xử vụ án tại Tòa án.

Tại phiên tòa:

Chị Hoàng Thị T, ông Hoàng Văn V, bà Lăng Thị H vắng mặt, xin vắng mặt không có quan điểm gì khác về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, giải quyết nuôi con chung, bị đơn anh Hoàng Hồng S vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử công bố lời khai, tóm tắt nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự: Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 123 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 và 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 6, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Hoàng Hồng S.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Hoàng Đức T1, sinh ngày 14 tháng 11 năm 2020 cho anh Hoàng Hồng S nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Ông Hoàng Văn V, bà Lăng Thị H có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, giáo dục các cháu Hoàng Đức T1 thay anh Hoàng Hồng S trong thời gian anh S vắng nhà.

- Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Hoàng Thị T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, giải quyết về nuôi con chung với anh Hoàng Hồng S. Hội đồng xét xử xác định: Về quan hệ pháp luật đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Hoàng Hồng S đăng ký thường trú tại thôn N, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh nhưng đang cư trú ở nước ngoài, không rõ địa chỉ cụ thể. Tại công văn số 1417/QLXNC ngày 24/10/2025 của phòng Q1 Công an tỉnh B xác định anh Hoàng Hồng S có thông tin cấp hộ chiếu và xuất cảnh ngày 13/10/2022 qua cửa khẩu Sân bay quốc tế N, hiện chưa nhập cảnh về Việt Nam. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 85/2025/QH15 của Quốc hội; khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa chị Hoàng Thị T, ông Hoàng Văn V, bà Lăng Thị H vắng mặt, xin vắng mặt. Bị đơn anh Hoàng Hồng S vắng mặt không lý do. Căn cứ theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ thì đây được coi là trường hợp anh Hoàng Hồng S cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã niêm yết tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh Hoàng Hồng S theo quy định tại khoản 5 Điều 177, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Hồng S tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện S, tỉnh Bắc Giang (nay là UBND xã Đ, tỉnh Bắc Ninh) vào ngày 18 tháng 12 năm 2020. Như vậy xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị T anh S đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, xích mích. Chị T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau. Bố mẹ đẻ của anh Hoàng Hồng S là ông Hoàng Văn V, bà Lăng Thị H cũng xác định vợ chồng anh S, chị T có mâu thuẫn gia đình cũng đã hòa giải cho anh S, chị T nhưng không thành. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng chị T và anh S đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Từ những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 4 Nghị

quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì thấy rằng: Tình trạng của vợ chồng chị T, anh S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần cho chị T được ly hôn với anh S.

[5] Về con chung: Chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Hồng S có một con chung Hoàng Đức T1, sinh ngày 14 tháng 11 năm 2020. Hội đồng xét thấy: Hiện nay con chung đang ở với ông, bà nội là ông Hoàng Văn V và bà Lăng Thị H, được chăm nom, chăm sóc đầy đủ và đi học bình thường. Chị T đề nghị giao con chung cho bố là anh S là người chăm sóc nuôi dưỡng, ông bà nội của cháu là ông Hoàng Văn V và bà Lăng Thị H đồng ý nhận trách nhiệm nuôi dưỡng cháu trong thời gian anh S lao động tại nước ngoài. Do vậy, để bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con, Hội đồng xét xử thấy cần giao cho anh Hoàng Hồng S là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng con chung. Ông Hoàng Văn V và bà Lăng Thị H có trách nhiệm trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hoàng Đức T1 trong thời gian anh Hoàng Hồng S không có mặt tại địa phương. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét, giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

[6] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Hoàng Thị T, anh Hoàng Hồng S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết ly hôn, con chung, nghĩa vụ chịu án phí giữa chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Hồng S phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 và 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 123 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271, 273, 280 và 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án;
- Điều 4 và 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

- Điều 6 và 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Hoàng Hồng S.

- Về con chung: Giao con chung là Hoàng Đức T1, sinh ngày 14 tháng 11 năm 2020 cho anh Hoàng Hồng S nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Ông Hoàng Văn V và bà Lăng Thị H có trách nhiệm trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hoàng Đức T1, sinh ngày 14 tháng 11 năm 2020 trong thời gian anh Hoàng Hồng S không có mặt tại địa phương

Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị Hoàng Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001260 ngày 07 tháng 10 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xác định chị Hoàng Thị T đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn là chị Hoàng Thị T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn V và bà Lăng Thị H không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là anh Hoàng Hồng S hiện đang cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 5 - Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng THADS khu vực 5 - Bắc Ninh;
- UBND xã Đại Sơn, tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Ngọc Minh

